

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, **giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Phan Tú T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Số F đường V, Tổ D, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; địa chỉ liên hệ: Tổ D T, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lý Hán B, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số A C, Khóm D, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ tạm trú: Số B đường D, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ làm việc: Công ty CP -, Lô CN7, ô số 1, 2, 3, đường N, khu công nghiệp S, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Phan Tú T trình bày:** Bà Nguyễn Phan Tú T và ông Lý Hán B tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 14/12/2016. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, cùng quan tâm chia sẻ cho nhau. Tuy nhiên, sau đó do quan điểm sống của hai vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã cố gắng để hàn gắn nhưng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly thân. Nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, tình cảm bà T dành cho ông B không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Lý Hán B.

Về con chung: Bà T và ông B có 01 người con chung là cháu **Lý Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 14/11/2019**. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Lý Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 14/11/2019** vì kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung đang sống chung với bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: **Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng.**

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Lý Hán B trình bày:** Ông với bà T chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 14/12/2016. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên khoảng 04 năm nay vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, qua yêu cầu ly hôn của bà T thì ông B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông với bà T có 01 người con chung là cháu Lý Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 14/11/2019. Khi ly hôn, ông B đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: **Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.**

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về tố tụng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, nhận thấy cháu Lý Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 14/11/2019 hiện đang sống chung với bà T và ông B cũng thông nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Đ cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B sống chung, đăng ký kết hôn tại phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 14/12/2016 theo đúng quy định về đăng ký kết

hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà T cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, hiện bà không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông Lý Hán B. Phía ông B cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân 04 năm nay nên qua yêu cầu ly hôn của bà T thì ông B đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Giữa bà T và ông B đã sống ly thân, phía bà T xác định không còn tình cảm với ông B, còn ông B thống nhất với yêu cầu ly hôn với bà T vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông B đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung là cháu **Lý Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 14/11/2019**. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Phía bị đơn ông B cũng đồng ý để bà T nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy: Hiện con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Phía ông B cũng thừa nhận kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay chính bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý để bà T nuôi con. Do con chung hiện đang sinh sống ổn định với bà T nên cần tiếp tục giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phan Tú T đối với bị đơn ông Lý Hán B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phan Tú T được ly hôn với ông Lý Hán B.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 14/11/2019 cho bà Nguyễn Phan Tú T được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Phan Tú T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Phan Tú T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Phan Tú T phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001215 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tr, thành phố K, tỉnh Kon Tum;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

